

Bản án số: 48/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông NMT

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: CTTN

Ông: ĐHS

**- Thư ký phiên tòa:** ông CLB – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** bà ĐTTN – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST - HNGĐ ngày 26/4/2024 về việc “ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh NTD – sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn YP, xã TH, huyện MH, tỉnh QB; *có mặt*;

Bị đơn: chị TTT – sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn YP, xã TH, huyện MH, tỉnh QB, *vắng mặt*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024 và tại bản tự khai ngày 10/5/2024 cùng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh ĐTD trình bày: anh và chị TTT kết hôn ngày 20/7/2011 tại UBND xã TH, huyện MH, tỉnh QB trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hoà giải được và sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Về con chung: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu NPT sinh ngày 28/9/2011, cháu NPN sinh ngày 20/12/2015 và cháu NTH

sinh ngày 13/7/2019, nếu ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con. Về tài sản và các khoản vay chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thụ lý vụ kiện và tiến hành giải quyết; quá trình triệu tập có mặt anh NTD, vắng mặt chị TTT nên Tòa án không hòa giải được. Ngày 29/7/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tại xã TH kết quả xác minh chị TTT có hộ khẩu ở thôn YP, xã TH, huyện MH, tỉnh QB nhưng không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 10/5/2024 cháu NPT và cháu NPN có viết giấy nguyện vọng là được ở với bố NTD.

Ngày 15/8/2024 Tòa án đã hoãn phiên tòa do chị TTT vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự: xử anh NTD ly hôn chị TTT; áp dụng các Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu NPT, NPN, NTH cho anh NTD trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị TTT có trách nhiệm cấp dưỡng. anh NTD và chị TTT phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh NTD và chị TTT kết hôn ngày 20/7/2011 tại UBND xã TH, huyện MH, tỉnh QB trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa giải được và sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét xử anh NTD ly hôn chị TTT;

[2] . Về con chung: hai vợ chồng 03 con chung là cháu NPT sinh ngày 28/9/2011, cháu NPN sinh ngày 20/12/2015 và cháu NTH sinh ngày 13/7/2019. Nếu ly hôn anh D có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu, hiện tại cả 03 cháu đang ở với anh D, chị T đi làm ăn ở miền nam đồng thời các cháu NPT và cháu NPN có nguyện vọng là được ở với bố là anh NTD. Để ổn định cuộc sống cũng như tâm

lý của các cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu NPT, NPN, NTH cho anh NTD trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Trương Thị Thương có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu đến khi con tròn 18 tuổi;

[3] . Về tài sản chung và vay nợ chung: không có nên không cần Tòa án giải quyết.

[4] . Về án phí: anh NTD phải chịu án phí sơ thẩm; chị TTT phải chịu án phí cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử anh NTD ly hôn vắng mặt chị TTT;

2. Về con chung: áp dụng khoản 2 Điều 81 và các Điều 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu NPT sinh ngày 28/9/2011, cháu NPN sinh ngày 20/12/2015 và cháu NTH sinh ngày 13/7/2019 cho anh NTD trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị TTT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu, tổng cộng 03 cháu là 4.500.000 đồng kể từ tháng 9/2024 đến khi con tròn 18 tuổi

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con;

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: anh NTD phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh NTD đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000557 ngày 26/4/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ;

Án phí cấp dưỡng: chị TTT phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2024), bị đơn thời hạn trên kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện MH;
- VKSND tỉnh QB;
- Chi cục THADS huyện MH;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

**N.M.T**